

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HN-ST
Ngày: 25 - 01 - 2018
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị M.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Tân D.**

Nơi công tác: Phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện A

2. Ông **Nguyễn Văn A1**

Nơi công tác: Bảo hiểm xã hội huyện A.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Th.** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trương Thị Mỹ L.** - Sinh năm: 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Tân Th1, xã Tân P., huyện A, tỉnh B

2. *Bị đơn:* **Phạm Thành Nhỏ** - Sinh năm: 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Tân Th1, xã Tân P., huyện A, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ Linh trình bày:**

Chị L. và anh N. chung sống như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2002 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân P., huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị L. và anh N. chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N.

thường hay cờ bạc dẫn đến nợ nần và anh N. có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10/2017 âm lịch thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị L. xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N..

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thành N1, sinh ngày 28/6/1999; Phạm Nhựt L1, sinh ngày 07/11/2014. Hiện cháu N1 đã trưởng thành, cháu L1 đang sống với chị L.. Ly hôn, chị L. yêu cầu được nuôi cháu L1. Không yêu cầu anh N. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phạm Thành N. trình bày:**

Anh N. và chị L. chung sống như vợ chồng từ năm 1998 và đăng ký kết hôn vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, anh N. trước đây có cờ bạc nhưng đã từ bỏ, anh không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị L. tự ý bỏ nhà đi từ tháng 10/2017 đến nay. Nay anh N. xác định còn tình cảm với chị L., nên không đồng ý ly hôn, tha thiết yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho hai con.

Về con chung: Có 02 con chung như chị Linh trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh N. yêu cầu được nuôi cháu Lam, không yêu cầu chị L. cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa giao cháu L` cho chị L. nuôi, anh N. không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như lời trình bày của chị L., không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị L. về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị L. và anh N. chung sống như vợ chồng từ năm 1998 đến ngày 16/9/2002 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân P. huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của chị L. và anh N. là hợp pháp và được xác lập kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Chị L. và anh N. cùng trình bày thống nhất nhau về việc cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Qua xem xét nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị L. và anh N., Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng, anh chị có mâu thuẫn do anh N. cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị có

khuyến nhưng anh N. không từ bỏ, cụ thể tại phiên tòa anh Nhỏ trình bày có chơi bài lại do buồn việc chị L. bỏ nhà đi. Đồng thời, theo xác nhận của Trưởng ấp Tân Th1, nơi anh chị sinh sống thì mâu thuẫn giữa anh chị như chị L. trình bày là đúng sự thật. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L. là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thành N1, sinh ngày 28/6/1999; Phạm Nhựt L1, sinh ngày 07/11/2014. Hiện cháu N1. đã trưởng thành, cháu L1 đang sống với chị L.. Ly hôn, chị L. và anh N. đều yêu cầu được nuôi cháu L1. Xét thấy thực tế chị L là người đang trực tiếp chăm sóc cháu L1 và cháu L1 cũng mới hơn 3 tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ, Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L.. Giao cháu L1 cho chị L. trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L. không yêu cầu anh N. cấp dưỡng nuôi con, anh N. cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L. và anh N. cùng không yêu cầu Tòa giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- *Về án phí:* Chị L. phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh N. không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ L. và anh Phạm Thành N..

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Phạm Nhựt L1., sinh ngày 20/11/2014 cho chị Trương Thị Mỹ L. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh N. không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh N. được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí:

Chị L. phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48684 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Anh N. không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Th1;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị M.

